

Bản án số: 164/2023/HN-ST

Ngày: 19-05-2023

V/v: “Ly hôn”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHỢ LÁCH, TỈNH BẾN TRE

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Chí Hậu.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Trần Hữu Nghị;

2. Ông Lê Anh Tuấn.

- Thư ký phiên tòa: Ông Lê Văn Tuấn - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Chợ Lách.

Ngày 19 tháng 05 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Chợ Lách, tỉnh Bến Tre xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 218/2023/TLST-HNGĐ ngày 19 tháng 10 năm 2022 về việc “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 41/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 10 tháng 04 năm 2023, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Bà Phạm Thanh T, sinh năm 1978; Nơi cư trú: ấp L, xã S, huyện H, tỉnh Vĩnh Long.

2. *Bị đơn:* Ông Nguyễn Thanh N, sinh năm 1972; Nơi cư trú: ấp B, xã P, huyện C, tỉnh Bến Tre

Bà Phạm Thanh T và ông Nguyễn Thanh N đều vắng mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 28/07/2022, văn bản trình bày ý kiến, đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt, nguyên đơn bà Phạm Thanh T trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Bà và ông Nguyễn Thanh N tự nguyện kết hôn và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Phú Phụng, huyện Chợ Lách, tỉnh Bến Tre vào ngày 07/01/1997. Sau khi kết hôn, cuộc sống vợ chồng cũng hạnh phúc nhưng đến năm 2017 thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do ông N không lo cho gia đình và có hành vi hành hung vợ, con. Hiện bà và ông N đã sống ly thân từ năm 2017 đến nay. Nay bà xác định tình cảm vợ chồng không

còn, không thể hàn gắn nên yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn với ông N, bà không yêu cầu cấp dưỡng giữa vợ, chồng sau khi ly hôn.

Về con chung: Có 02 con chung tên Nguyễn Thanh T, sinh ngày 10/11/1997 và Nguyễn Thanh T, sinh ngày 14/02/2000. Hiện các con đã trưởng thành nên bà không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Nguyên đơn bà Phạm Thanh T có yêu cầu xét xử vắng mặt tại phiên tòa; đồng thời có đề nghị Tòa án không tiến hành hòa giải nên vụ án không tiến hành hòa giải được; còn ông Nguyễn Thanh N đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng ông N vẫn vắng mặt tại phiên tòa. Căn cứ vào các Điều 207, 227, 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bà T, ông N.

[2] Về quan hệ pháp luật tranh chấp: Đây là vụ án “Ly hôn” được Tòa án xem xét giải quyết theo quy định tại Điều 28 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Điều 51, 56 của Luật hôn nhân và Gia đình năm 2014.

[3] Về quan hệ hôn nhân: Bà Phạm Thanh T và ông Nguyễn Thanh N tự nguyện kết hôn và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Phú Phụng, huyện Chợ Lách, tỉnh Bến Tre vào ngày 07/01/1997 và đã được cấp giấy chứng nhận kết hôn nên được xác định là hôn nhân hợp pháp. Theo bà T, nguyên nhân vợ chồng mâu thuẫn là do ông N không lo cho gia đình và có hành vi hành hung vợ, con. Nay bà T xác định tình cảm vợ chồng không còn, không thể tiếp tục chung sống nên yêu cầu được ly hôn với ông N, không yêu cầu cấp dưỡng giữa vợ, chồng sau khi ly hôn.

Xét thấy, mâu thuẫn giữa bà T và ông N thực tế là có xảy ra và giữa hai người đã có khoảng thời gian sống ly thân từ năm 2017 đến nay. Với khoảng thời gian trên cũng đủ cho ông, bà suy nghĩ lại tình cảm vợ chồng thế nhưng cả hai cũng không tìm cho mình một biện pháp nào để khắc phục mâu thuẫn, hàn gắn lại tình cảm vợ chồng mà hiện tại cả hai không còn quan tâm đến cuộc sống của nhau. Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án cũng đã tiến hành T báo ông N đến tham hòa giải nhằm hàn gắn lại tình cảm vợ chồng nhưng ông N không đến và tại phiên tòa ông N tiếp tục vắng mặt, còn bà T thì yêu cầu không tiến hành hòa giải và yêu cầu được ly hôn với ông N. Điều đó cho thấy tình trạng mâu thuẫn vợ chồng giữa bà T và ông N là đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể

kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, ly hôn là biện pháp tốt nhất nhằm đem lại tự do cho cả hai. Vì vậy, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà T đối với ông N là phù hợp theo quy định tại Điều 51 và 56 của Luật hôn nhân và gia đình. Ghi nhận bà T không yêu cầu giải quyết cấp dưỡng giữa vợ chồng khi ly hôn.

[4] Về con chung: Quá trình chung sống bà T và ông N có 02 con chung tên Nguyễn Thanh T, sinh ngày 10/11/1997 và Nguyễn Thanh T, sinh ngày 14/02/2000. Hiện các con đã trưởng thành nên bà T không yêu cầu Tòa án giải quyết là phù hợp.

[5] Về tài sản chung: Bà T khai không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xét đến.

[6] Về nợ chung: Bà T khai không có nên không xét đến.

[7] Về án phí dân sự sơ thẩm: Căn cứ Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án: Bà T phải chịu án phí là 300.000 đồng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 28, 147, 207, 227, 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ các Điều 51, 56 của Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 27 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

1/. Chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà Phạm Thanh T đối với ông Nguyễn Thanh N. Cụ thể tuyên:

Bà Phạm Thanh T được ly hôn với ông Nguyễn Thanh N. Ghi nhận bà T không yêu cầu giải quyết cấp dưỡng giữa vợ chồng khi ly hôn.

2/. Về con chung: Có 02 con chung tên Nguyễn Thanh T, sinh ngày 10/11/1997 và Nguyễn Thanh T, sinh ngày 14/02/2000 đã trưởng thành nên không xét đến.

3/. Về tài sản chung: Bà T khai không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xét đến.

4/. Về nợ chung: Bà T khai không có nên không xét đến.

5/. Về án phí: Bà Phạm Thanh T phải chịu là 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí mà bà T đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0008460 ngày 11/10/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Chợ Lách, tỉnh Bến Tre. Bà T đã nộp đủ án phí.

6/. Quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND huyện Chợ Lách;
- Chi cục T.H.A DS huyện Chợ Lách;
- Cơ quan đăng ký kết hôn;
- Lưu HSVA+VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

ĐÃ KÝ

Lê Chí Hậu